

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HSST

Ngày 21/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông bà Lù Làn Dìn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sìn Văn Thanh và bà Phạm Thị Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2017/HSST ngày 05/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Châu A D - Sinh ngày 24/6/1996. Tại xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Mông; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12

Con ông Châu A T - sinh năm 1972 và bà Giàng Thị M - sinh năm 1969; Vợ: Lý Tả M - Sinh năm 1994; Bị cáo có 01 con sinh năm 2014; Gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Bố, mẹ, vợ và con đều trú tại: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án: Tại bản án số 07 ngày 7/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Châu A D 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.Hiện bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Châu A T (Tên gọi khác: Châu A L và Châu A T);

Sinh ngày 03/7/1998. Tại xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn C 2, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12;

Con ông Châu A L - sinh năm 1975 và bà Giàng Thị T - sinh năm 1972; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Hạ Thị S - Sinh năm 2002; Bị cáo có 01 con sinh năm 2016; Gia đình bị cáo có 6 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Bố, mẹ, vợ và con đều trú tại: Thôn C 2, xã T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Tiền sự: Không

Tiền án: Có 2 tiền án:

- Tại bản án số 37 ngày 12/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 06 Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại bản án số 12 ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt bị cáo 1 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 5 Điều 60 BLHS tổng hợp cả 2 bản án, tổng cộng hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/3/2017. Bị cáo được khấu trừ 10 (Mười) ngày tạm giữ của bản án số 37 ngày 12/4/2016 (Từ ngày 26/12/2015 đến 04/01/2016). Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam tỉnh Lào Cai, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Phạm Thị T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Lý Thị M- sinh ngày 17/02/1994.

Trú tại: Thôn S, xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại: Ông Tạ Ngọc V, luật sư - Văn phòng Luật sư Tạ Vân và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lý A L (Tên gọi khác: Lý A P) - Sinh năm 1963 và bà Hạng Thị P - Sinh năm 1964

Cùng trú tại: Thôn S, xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai. (Ngày 23/8/2017 bà Hạng Thị P ủy quyền cho ông Lý A L là người đại diện tham gia tố tụng). Ông L có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2016, Châu A D có quen một người tên L ở chợ S, L rủ D đi xuống thành phố L chơi, D đồng ý. Khoảng 2 hôm sau D đi xuống thành phố L thì gặp L và bạn L (tên Th) nhà ở thành phố L, cả 3 cùng đi chơi và cho nhau số điện thoại để liên lạc. Sau khi có số điện thoại của D, Th nhiều lần gọi điện cho D rủ đi xuống thành phố L chơi và bảo D nếu có bạn gái hoặc người quen là phụ nữ thì rủ đi xuống thành phố L chơi rồi lừa đưa sang Trung Quốc bán được tiền thì chia nhau, D đồng ý. Khoảng một tuần sau qua mạng Zalo, D quen Lý Thị M (sinh 1994 nhà ở xã L, huyện S), sau khi làm quen D thường xuyên gọi điện nhắn tin tán tỉnh M. Sau đó D gọi điện cho Th nói đã tìm được một phụ nữ tên M nhà ở L, S, Th bảo cứ đưa xuống thành phố L thì gọi điện cho Th, D đồng ý. Ngày 27/12/2016 D gọi điện cho Châu A T (là bạn) rủ đi xuống thành phố L chơi cùng D và bạn gái của D, T đồng ý. Do có việc bạn T bảo D cứ đi trước T sẽ đi sau, khoảng 13 giờ cùng ngày D đi xe máy chở M xuống thành phố L chơi, đến 17 giờ M bảo D đưa M về nhà. D nói chờ bạn của D xuống đã và bảo M bây giờ trời tối đi về sợ đầu gấu chặn đường đánh, thấy D nói vậy M đồng ý ở lại. Sau đó D đưa M đến nhà nghỉ S ở phường P, thành phố L thuê một phòng nghỉ lại đó, đến khoảng 20 giờ, T đi xe máy xuống thành phố L rồi đi đến nhà nghỉ S gặp D, D rủ T đi chơi cùng D và M, T đồng ý. Cả 3 đi xe máy vào khu vực thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai trên đường đi D gọi điện cho Th bảo đi ra đón, một lúc sau Th đi xe máy đến. Cả 4 người đi xe máy qua suối sang phía Trung Quốc rồi vào nhà một gia đình người quen của Th, khi đến nơi Th bảo D, T và M đứng ở ngoài để Th đi vào trong nhà gặp chủ nhà nói chuyện. Khoảng 15 phút sau Th quay ra nói với D đã bán được M rồi, sau đó D quay vào rủ T đi ra chợ chơi và bảo M cứ ở lại đây tý sẽ quay lại đón, M đồng ý. Sau đó cả 3 đi xe máy được một đoạn thì Th đưa cho D 2.000CNY tiền Trung Quốc và bảo đi về Việt Nam, D đồng ý cầm số tiền trên cùng T đi về Việt Nam. Trên đường đi T hỏi M đâu không đi về cùng, D nói đã bán cho người Trung Quốc rồi, sau đó cả 2 đi về Việt Nam. Sáng hôm sau D đi ra khu vực cầu C, thành phố L đổi 2.000CNY được 6.000.000đ tiền Việt Nam rồi đưa cho T 2.000.000đ nói, đây là tiền bán M và dặn về nhà không được

nói cho ai biết, T cầm số tiền trên đi về nhà. Đến ngày 24/4/2017 Lý Thị M trở về Việt Nam và có đơn tố cáo hành vi phạm tội của Châu A D.

Tại bản Cáo trạng số 49/KSĐT ngày 05/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Châu A D về tội “Mua bán người” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 và Châu A T về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Châu A D phạm tội: “Mua bán người” và Châu A T phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Châu A D mức án từ 06 (Sáu năm đến 08 (Tám) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Châu A D bởi vì bị cáo D không có tài sản gì.

Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Châu A T mức án từ 09 (Chín) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp 02 bản án, buộc bị cáo Châu A T phải chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (Hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày ý kiến: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng nhưng cho rằng mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, bởi vì bị cáo tuổi đời còn trẻ và là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa; trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn rất hạn chế; Việc bị cáo D phạm tội là do đối tượng Thành rủ rê, hơn cũng do một phần nào người bị hại dễ cả tin và mất cảnh giác nên đã để bị cáo lợi dụng, quá trình khai báo thành khẩn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Châu A D mức án 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản gì. Xử phạt Châu A T mức án 06 (Sáu) tháng tù.

Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại trình bày ý kiến: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng cũng như mức án và đề

ngiht công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với toàn bộ yêu cầu của người bị hại và người có quyền lợi liên quan.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà bị cáo Châu A D và Châu A T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo D và T tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp lời khai của của người bị hại Lý Thị M cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Châu A D và Châu A T là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 27/12/2016 bị cáo D đã thực hiện hành vi lừa Lý Thị M đưa sang Trung Quốc bán được 2.000CNY. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do về thân thể, nhân phẩm và danh dự của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo đã có 01 tiền án mặc dù đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội rất nghiêm trọng, do vậy lần phạm tội này của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Đối với bị cáo Châu A T, ngày 27/12/2016 đã đi cùng Châu A D đưa Lý Thị M sang Trung Quốc. Nhưng bị cáo không tham gia vào việc bán Lý Thị M, trên đường đi về bị cáo không thấy Lý Thị M về cùng nên bị cáo đã hỏi D thì được D cho biết là D đã bán M và sáng hôm sau bị cáo D cho T 2.000.000đ rồi dặn T không được nói cho ai biết việc D đã bán Lý Thị M, nhưng bị cáo đã không tố giác hành vi phạm tội của R. Do vậy hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T hiện có 2 tiền án: Tại bản án số 37 ngày 12/4/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” và tại bản án số 12 ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện S đã áp dụng tình tiết tái phạm đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 1 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” ”. Áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 5 Điều 60 BLHS tổng hợp cả 2 bản án, tổng cộng hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Hiện bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt, do vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức án phù hợp với quy định của pháp luật thì mới có

tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích và mới đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đối với xã hội.

Tuy nhiên xét thấy sau khi bị bắt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên cần áp dụng thêm cho các bị cáo điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Châu A D không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, bị cáo Châu A D còn khai đối tượng tên L và Th là người đã đã rủ bị cáo về tìm phụ nữ rồi cùng Th đưa sang Trung Quốc bán và Th cũng là người khởi xướng việc đưa bị hại Lý Thị M sang Trung Quốc bán, nhưng bị cáo D cũng không xác định được rõ lai lịch của L và Th. Do vậy cơ quan điều tra cũng chưa xác minh làm rõ được, khi nào làm rõ được thì sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 24B1 - 74516 Châu A T sử dụng đi cùng Châu A D và Lý Thị M sang Trung Quốc ngày 27/12/2016, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên không liên quan đến vụ án. Do vậy Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ (BL 253 – 254).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lý Thị M và ông Lý A L là người có quyền lợi liên quan đến vụ án, yêu cầu bị cáo Châu A D phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần là 20.000.000đ, tiền mất thu nhập bị mất trong thời gian Lý Thị M bị bán sang Trung Quốc là 20.000.000đ và tiền chi phí đi tìm Lý Thị M là 10.000.000đ. Tổng số là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) (Bút lục 243 – 245)

Quá trình điều tra(Bút lục 135), cũng như tại phiên tòa bị cáo Châu A D đều nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại và người có quyền lợi liên quan.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Về vật chứng: Đối với số tiền do bán bị hại M được 2000CNY bị cáo D đã đổi được 6.000.000đ tiền ngân hàng Việt Nam, D đã chia cho bị cáo T 2.000.000đ và còn lại 4.000.000đ bị cáo D giữ. Toàn bộ số tiền đó là tiền do phạm tội mà có, nay các bị cáo đã chi tiêu hết nên cần truy thu để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Châu A D phạm tội: “*Mua bán người*” và Châu A T phạm tội “*Không tố giác tội phạm*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Châu A D 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Châu A T 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp cả 02 bản án, tổng cộng hình phạt chung bị cáo Châu A T phải chấp hành là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/3/2017. Bị cáo được khấu trừ 10 (Mười) ngày tạm giữ của bản án trước (Từ ngày 26/12/2015 đến ngày 04/01/2016).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Châu A D đối với yêu cầu của người bị hại Lý Thị M về tiền tổn thất về tinh thần là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tiền thu nhập bị mất trong thời gian Lý Thị M bị bán sang Trung Quốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và bồi thường cho ông Lý A L và bà Hằng Thị P mỗi người 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền chi phí đi tìm Lý Thị M. Tổng cộng Châu A D chấp nhận bồi thường tổng số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật Hình sự.

Truy thu đối với số tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước cụ thể như sau: Bị cáo Châu A D 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và Châu A T 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Châu A D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu cả 02 loại tiền án phí là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng)

Bị cáo Châu A T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan ông Lý A L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại Lý Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lù Làn Dìn